

Thứ sáu, ngày 7 tháng 2 năm 2020

Vietnam Daily Review

Duy trì đà tăng

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 10/2/2020		•	
Tuần 10/2-14/2/2020		•	
Tháng 2/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Không còn tích cực như hôm qua, trong phiên sáng, VN-Index giao dịch có phần giằng co khi sự phân hóa diễn ra trên nhiều nhóm ngành. Các mã SAB, VNM, VJC là các động lực thúc đẩy đà tăng của thị trường trong khi BID, VIC, CTG lại trì hoãn chỉ số. Diễn biến phiên chiều không có sự đột biến. Tuy vậy, VNM, SAB, VRE, HVN, VJC đã giúp VN-Index giữ được sắc xanh. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 185 mã tăng điểm và 161 mã giảm điểm. Thanh khoản giữ ở mức trung bình trong khi khối ngoại vẫn duy trì áp lực bán ròng.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 840 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 7/2/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch giảm mạnh.

Danh mục i-Invest: Theme_ Xây dựng_ 1.4%. 9/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Xây dựng** - kỳ vọng chủ yếu vào tăng trưởng về nhu cầu xây dựng BĐS và các dự án đầu tư công - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.4%**, con số này của VNINDEX là 0.2%

Phân tích kỹ thuật: STB_Bứt phá (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, VPB, HPG, NVL, FPT**

Điểm nhấn

- VN-Index **+2.21 điểm**, đóng cửa 940.75. HNX-Index **-0.92 điểm**, đóng cửa 104.92.
- Kéo chỉ số tăng: **VNM (+1.40); SAB (+0.96); VRE (+0.72); HVN (+0.70); VCB (+0.65)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-1.71); CTG (-0.89); HPG (-0.66); MBB (-0.26); TCB (-0.20)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,120 tỷ đồng**, **-17%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 7.54 điểm. Thị trường có 185 mã tăng, 58 mã tham chiếu và 161 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **126.66 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VIC (60.16 tỷ), POW (41.04 tỷ) và BID (30.62 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **1.73 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

940.75

Giá trị: 3120.25 tỷ

2.21 (0.24%)

Khối ngoại (ròng): -126.66 tỷ

HNX-INDEX

104.92

Giá trị: 326.82 tỷ

-0.92 (-0.87%)

Khối ngoại (ròng): -1.73 tỷ

UPCOM-INDEX

55.76

Giá trị: 157.72 tỷ

0.15 (0.27%)

Khối ngoại(ròng): 18.83 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	51.0	0.04%
Giá vàng	1,567	0.03%
Tỷ giá USD/VND	23,232	0.06%
Tỷ giá EUR/VND	25,509	#####
Tỷ giá JPY/VND	21,146	0.17%
LS liên NH 1 tháng	3.1%	3.91%
LS TPCP 5 năm	2.1%	-1.74%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	31.5	VIC	-60.2
VRE	31.2	POW	-41.0
HDB	21.5	BID	-30.6
VJC	16.5	NVL	-28.9
VHM	7.8	CII	-17.7

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường hàng hóa	Trang 4
Chuyện cuối tuần	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **9/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Xây dựng** - kỳ vọng chủ yếu vào tăng trưởng về nhu cầu xây dựng BĐS và các dự án đầu tư công - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.4%**, con số này của VNINDEX là 0.2%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- **4/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **khả quan**

- **3/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Xây dựng_1.4%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Xây dựng	1.4%	-1.5%	-7.8%	-16.8%	-17.3%	-21.1%	3.4%	18.3%
Ngành Dược	1.4%	-4.5%	4.8%	0.0%	6.1%	14.0%	49.0%	17.6%
BDS & Khu công nghiệp	1.2%	0.9%	-6.4%	-9.5%	-6.6%	-0.2%	49.9%	16.4%
FTSE Việt Nam	1.0%	0.8%	-2.8%	-8.1%	-1.3%	3.5%	83.2%	14.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.7%	0.2%	-3.7%	-9.4%	-3.3%	1.9%	72.9%	13.8%
Nước & Năng lượng	0.4%	-1.5%	-8.6%	-12.9%	-8.8%	-5.1%	34.7%	14.5%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.3%	1.6%	-2.8%	-0.4%	-3.6%	7.4%	41.8%	14.5%
Hàng tiêu dùng	0.3%	0.5%	-5.6%	-16.1%	-11.6%	-4.7%	46.3%	17.5%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.2%	2.4%	-2.5%	-10.2%	0.2%	1.7%	49.4%	14.5%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.0%	-0.6%	-5.9%	-12.5%	-12.6%	-12.8%	32.7%	21.1%
Chiến tranh thương mại	-0.1%	0.2%	-6.7%	-10.8%	-16.5%	-5.0%	4.5%	15.6%
Lãi suất giảm	-0.1%	1.3%	-2.3%	-7.5%	-6.4%	-2.4%	46.4%	18.0%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.3%	1.9%	-3.3%	-7.2%	2.9%	9.1%	59.0%	15.2%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.5%	2.2%	-3.7%	-8.1%	5.2%	12.2%	65.6%	17.3%
VN Diamond	-0.5%	2.6%	-2.2%	-7.0%	6.9%	13.9%	62.7%	17.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.6%	5.5%	5.7%	1.4%	16.4%	14.7%	49.8%	19.3%
VN FinSelect	-0.6%	4.6%	4.0%	0.0%	12.8%	10.6%	41.2%	17.9%
Dầu khí	-0.6%	-1.0%	-9.9%	-17.6%	-16.7%	-7.2%	8.0%	22.7%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.9%	1.9%	-1.0%	-3.7%	9.3%	28.8%	101.9%	19.3%
Vật liệu Xây dựng	-1.1%	-0.5%	-3.7%	-7.0%	-1.2%	5.5%	4.4%	18.6%
Ngân hàng	-1.3%	4.0%	5.6%	3.5%	20.6%	25.8%	84.6%	21.9%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 6	0.8%	0.2%	-5.8%	-12.3%	-1.3%	6.0%	74.9%	20.8%
Danh mục 13	0.4%	0.9%	-4.6%	-9.3%	0.8%	11.7%	63.5%	15.4%
Danh mục 15	0.2%	0.7%	-8.0%	-13.7%	-8.0%	-3.4%	48.0%	18.0%
Danh mục 4	-0.6%	1.1%	-6.6%	-11.9%	1.9%	13.5%	48.2%	16.9%
Danh mục 18	-1.4%	0.7%	-0.5%	-0.3%	4.5%	9.4%	104.6%	19.4%

* Note

4/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 24	0.5%	-0.3%	-8.0%	-14.2%	-7.8%	11.3%	79.7%	20.4%
Danh mục 22	0.3%	-0.7%	-7.2%	-10.6%	-0.9%	14.7%	53.0%	16.4%
Danh mục 21	0.0%	1.5%	-4.4%	-9.2%	3.4%	11.2%	51.8%	15.8%
Danh mục 25	-0.3%	1.3%	-3.1%	-7.1%	3.0%	20.0%	101.4%	16.8%
Danh mục 20	-0.4%	1.7%	-5.4%	-8.0%	-1.1%	9.7%	50.7%	16.9%

* Note

3/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **khả quan**

INDEX								
VNINDEX	0.2%	0.4%	-2.7%	-8.0%	-2.5%	2.7%	37.1%	15.4%
VN30INDEX	0.1%	1.8%	-2.6%	-8.2%	-0.3%	-1.0%	36.1%	15.8%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

2/7/2020

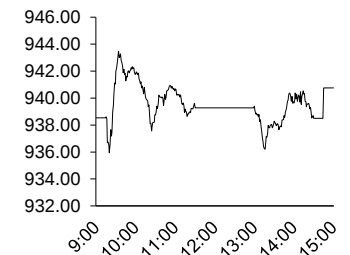
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

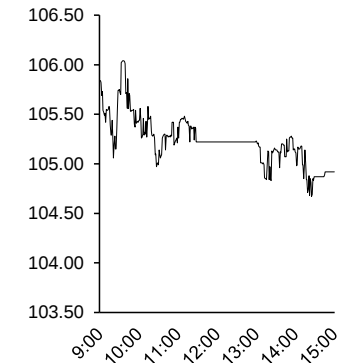
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Tài nguyên Cơ bản	-2.1%
Viễn thông	-1.7%
Ngân hàng	-1.1%
Dầu khí	-0.7%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.6%
Bán lẻ	-0.6%
Công nghệ Thông tin	-0.4%
Dịch vụ tài chính	-0.2%
Truyền thông	-0.2%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.0%
Bất động sản	0.5%
Y tế	0.5%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.9%
Ô tô và phụ tùng	1.2%
Xây dựng và Vật liệu	1.4%
Hóa chất	1.5%
Thực phẩm và đồ uống	1.8%
Bảo hiểm	1.9%
Du lịch và Giải trí	3.4%

Nguồn: FinPro

Phân tích kỹ thuật

STB_Bứt phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá ngắn hạn.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: STB đang có sự trở lại mạnh mẽ khi mức tăng tuần này của cổ phiếu đã bù lại sự mất giá trong Quý cuối cùng của năm ngoái. Hôm nay và hôm qua, thanh khoản tăng cao đã đẩy giá cổ phiếu vượt khỏi mức đỉnh cũ tại vùng giá 11 và gần như đã xác nhận mô hình hai đáy. Các chỉ báo kỹ thuật hiện đều đang ở trong trạng thái tích cực. Chỉ báo RSI cũng chưa đi vào vùng quá mua cho thấy dư địa tăng ngắn hạn vẫn còn. Tuy vậy, cổ phiếu có thể sẽ xuất hiện sự điều chỉnh ngắn hạn nếu tiếp cận lại ngưỡng kháng cự khá mạnh tại mốc 11.5. Theo đánh giá của chúng tôi, STB vẫn chưa hoàn toàn thoát khỏi xu hướng giảm từ đầu năm 2018 đến nay và cần theo dõi thêm trong vài tuần nữa mới thực sự chắc chắn cổ phiếu đã đảo chiều.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Luận điểm đầu tư

hành của STB đến từ chi phí nhân viên (18,500 người). Ngân hàng dự kiến sẽ cắt giảm chi phí nhân viên, các chi phí khác sẽ cắt giảm 5% mỗi năm. Mục tiêu CIR trong vài năm tới ở mức 50%.

Chất lượng tài sản được kỳ vọng cải thiện. NPL = 1.8%, LDR = 70%, tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn ở mức 34% và sẽ giảm xuống 30% trong thời gian tới. Trong năm 2019, STB dự kiến sẽ xóa nợ VAMC từ 10,000 - 15,000 tỷ VND, dự kiến đến 2023 sẽ xóa hết được 75% nợ VAMC. Nợ xấu cũng được kỳ vọng sẽ giảm xuống mức 1.6% trong năm 2019.

Chúng tôi đánh giá, STB là cổ phiếu có thể mua và nắm giữ trong dài hạn nhờ (1) sự tích cực trong việc xử lý nợ xấu, (2) quy mô lớn, có sự phục hồi về LN. Tuy nhiên, chúng tôi khuyến nghị theo dõi kỹ quá trình xử lý nợ xấu trong tương lai trước khi ra quyết định đầu tư.

Catalyst

Tích cực xử lý nợ xấu, giảm CIR.

Rủi ro Đầu tư

NPL cao, chất lượng tài sản xấu.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: Express STB 2019Q3

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_ Hồi phục

[Link](#)

FPT_ Xu hướng hồi phục

[Link](#)

VPB_ Hồi phục

[Link](#)

HPG_ Tăng giá

[Link](#)

NVL_ Tăng giá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 7/2/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 7/2	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	51.31	0.71%	-0.48%	-17.92%	-7.20%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	55.33	0.73%	-2.28%	-14.60%	-14.71%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	150.28	0.32%	-0.09%	-13.30%	1.21%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1566.63	-0.01%	-1.42%	0.66%	17.05%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.80	-0.11%	-1.33%	-1.66%	10.93%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	884.25	0.37%	1.35%	-6.33%	-8.86%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	556.75	0.09%	0.54%	1.18%	0.77%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.96	41.00%	-53.00%	-0.82%	21.32%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	149.60	177.00%	-650.00%	-15.00%	-20.97%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.74	0.07%	1.03%	7.36%	3.95%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	98.15	0.41%	-3.30%	-19.65%	-19.12%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5735.00	0.23%	2.64%	-6.73%	-8.18%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3314.00	0.58%	-5.72%	-6.42%	N/A	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1737.00	1.16%	0.35%	-4.35%	-8.29%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	584.50	0.09%	-11.23%	-9.34%	N/A	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	72.20	0.49%	6.65%	0.42%	-18.09%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

• Dầu thô Brent giảm 35 US cent xuống 54.93 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI tăng 20 US cent lên 50.95 USD/thùng. Giá dầu diễn biến trái chiều và từ bỏ mức tăng trong đầu phiên giao dịch, khi OPEC và đối tác Nga đưa ra những tín hiệu không đồng nhất về việc cắt giảm sản lượng nhằm giảm thiểu tác động của nhu cầu toàn cầu suy yếu bởi virus corona.

Giá vàng

• Vàng giao ngay giảm tăng 0.6% lên 1,565.42 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 4/2020 tăng 0.5% lên 1,570 USD/ounce.

• Giá vàng tăng do kỳ vọng các ngân hàng trung ương sẽ giữ lãi suất thấp và sự không chắc chắn xung quanh tác động kinh tế của virus corona, đã thúc đẩy hoạt động mua vàng. Trung Quốc sẽ giảm 1/2 thuế quan bổ sung đối với hàng hóa của Mỹ và ký kết thêm chi tiêu của chính phủ, giảm thuế và trợ cấp cho các lĩnh vực bị ảnh hưởng bởi virus corona.

Giá sắt thép

• Giá quặng sắt trên sàn Đại Liên tăng 0.9% lên 590 CNY (84,64 USD)/tấn. Trên sàn Thượng Hải, giá thép cuộn tăng 0.1%, giá thép cuộn cán nóng tăng 0.1%.

• Trong 3 phiên từ ngày 3-5/2/2020, giá quặng sắt trên sàn Đại Liên giảm tổng cộng 11.3% do lo ngại nhu cầu tại nước nhập khẩu nguyên liệu sản xuất thép hàng đầu thế giới bởi tác động của virus corona. Giá quặng sắt tại Trung Quốc tăng trở lại, sau khi Bắc Kinh tuyên bố cắt giảm thuế quan đối với hàng loạt hàng nhập khẩu của Mỹ, giúp thị trường tài chính hồi phục từ tác động của virus corona lây lan mạnh. Trung Quốc cho biết sẽ giảm 1/2 thuế quan bổ sung đối với 1,717 hàng hóa của Mỹ trong năm 2019, sau thỏa thuận thương mại giai đoạn 1.

Giá nông sản

• Giá đường duy trì vững sau khi đạt mức cao nhất 2 năm trong phiên trước đó do sản lượng giảm, trong khi giá cà phê Arabica chạm mức thấp nhất 3 tháng.

• Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 giảm 0.15 US cent tương đương 1% xuống 14.59 US cent/lb. Đường trắng giao cùng kỳ hạn giảm 0.9 USD tương đương 0.2% xuống 413 USD/tấn. Giá đường duy trì vững sau khi đạt mức cao nhất 2 năm trong đầu tuần này do sản lượng tại các khu vực trồng trọng điểm như Ấn Độ, Thái Lan và EU suy giảm.

• Cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2020 tăng 0.4 US cent tương đương 0.4% lên 98.15 US cent/lb. Cà phê Robusta kỳ hạn tháng 3/2020 tăng 7 USD tương đương 0.6% lên 1,291 USD/tấn.

• Đối với loại 5% tấm, gạo Việt Nam tăng lên 355-360 USD/tấn so với 345 USD/tấn. Trong khi đó, gạo Thái Lan giảm xuống còn 425-439 USD/tấn so với mức 432-453 USD/tấn do đồng baht của nước này suy giảm. Gạo Ấn Độ tăng lên 370-375 USD/tấn, cao nhất kể từ tuần cuối tháng 9/2019, so với mức 369-373 USD/tấn tuần trước đó, được hỗ trợ bởi đồng rupee suy yếu.

• Giá xuất khẩu gạo Ấn Độ tăng lên mức cao nhất trong hơn 4 tháng, do nhu cầu từ các nước châu Phi tăng mạnh, trong khi thị trường Thái Lan suy giảm do virus corona bùng phát.

SÓC VÀ SỰ TỬ

Một con sóc chồn muốn quyết chiến với sư tử. Tuy nhiên, sư tử lại nhất quyết cự tuyệt. Sóc chồn nói: “Người sợ sao?”

Sư tử liền đáp: “Nếu như ta cùng người tỷ thí, người có thể đạt được danh tiếng bởi vinh hạnh được ‘cùng sư tử luận võ chằng hạn’”.

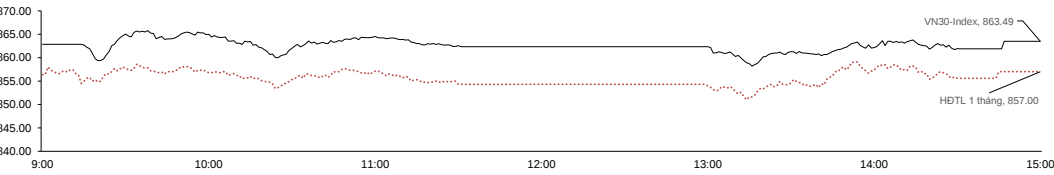
Sư tử nói tiếp: “Tuy nhiên, khi đó danh tiếng của ta sẽ không còn nữa, sau này các loài động vật sẽ cười ta vì ta lại cùng sóc chồn đánh nhau”.

Từ câu chuyện trên, ta có thể thấy, trong đầu tư chứng khoán, bí quyết thành công là cần bám sát mục tiêu, không nên lãng phí thời gian vào những việc vô bổ dẫn đến bị động bởi những thứ không quan trọng. Ví dụ như nắm giữ những cổ phiếu bị thua lỗ nặng với ảo tưởng chúng sẽ tăng trở lại trong khi việc cần làm là bán chúng đi càng nhanh càng tốt và cơ cấu lại vào những danh mục tốt hơn.



Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hợp đồng tương lai							
CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2002	857.00	-0.41%	-6.49	-10.5%	125635	2/20/2020	13
VN30F2003	856.00	-0.47%	-7.49	-45.5%	213	3/19/2020	41
VN30F2006	863.60	-0.20%	0.11	1.7%	117	6/18/2020	132
VN30F2009	861.50	-0.70%	-1.99	122.6%	69	9/17/2020	223

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index giữ gần mốc tham chiếu, tăng nhẹ 0.63 điểm lên mức 863.49 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, VJC, HPG, và MBB tác động mạnh đến vận động tích lũy của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian trong phiên hôm nay giằng co quanh vùng 860-865 điểm. Thanh khoản giảm, VN30 có thể tiếp tục tích lũy quanh vùng 860-870 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HDTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2002 và VN30F2006 đang tăng, trong khi VN30F2003 và VN30F2009 đang giảm. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu vận động tích lũy trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 840 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVNM1906	VND	3/5/2020	27	2:1	19,460	-57.4%	1.0 triệu	19.99%	8,100	1,650	26.92%	422.10	3.91
CVJC1902	SSI	4/22/2020	75	1:1	7,670	-51.6%	1.0 triệu	18.13%	27,900	13,320	22.99%	5,604.00	2.38
CVRE1902	HSC	4/8/2020	61	4:1	182,880	76.2%	5.0 triệu	25.19%	1,300	740	21.31%	300.30	2.46
CVNM1903	SSI	4/22/2020	75	1:1	78,480	1253.1%	1.0 triệu	19.99%	26,600	6,850	20.18%	1,176.00	5.82
CVRE2001	KIS	9/21/2020	227	3:1	151,670	1397.2%	8.0 triệu	25.19%	1,500	1,150	13.86%	304.50	3.78
CSTB2001	KIS	6/19/2020	133	1:1	120,480	-68.6%	5.0 triệu	16.07%	1,500	1,740	9.43%	747.90	2.33
CFPT1905	SSI	4/22/2020	75	1:1	78,090	119.5%	1.0 triệu	22.42%	9,900	3,800	5.56%	1,650.10	2.30
CHDB2002	MBS	4/10/2020	63	2:1	163,430	-35.6%	1.5 triệu	23.37%	1,950	2,580	4.03%	2,117.10	1.22
CVHM1902	SSI	4/22/2020	75	1:1	50,330	154.6%	1.0 triệu	22.00%	18,600	9,370	1.08%	5,001.10	1.87
CVPB1901	VND	3/5/2020	27	1:1	205,990	-4.7%	2.0 triệu	23.93%	3,500	7,510	0.00%	7,413.10	1.01
CFPT1908	MBS	6/17/2020	131	3:1	355,940	-5.6%	2.4 triệu	22.42%	3,150	1,980	-1.00%	985.30	2.01
CREE1905	MBS	6/17/2020	131	3:1	252,780	-35.7%	2.4 triệu	23.54%	2,150	1,300	-2.26%	370.40	3.51
CPNJ2001	MBS	4/24/2020	77	5:1	220,790	13.1%	2.0 triệu	19.51%	2,200	1,570	-3.09%	665.90	2.36
CTCB1902	VND	6/5/2020	119	1:1	30,810	-49.2%	2.0 triệu	21.26%	5,300	3,020	-3.51%	2,007.60	1.50
CMWG2002	MBS	4/24/2020	77	10:1	119,760	-61.1%	2.0 triệu	23.22%	1,950	1,400	-6.04%	695.90	2.01
CMBB1903	SSI	4/22/2020	75	1:1	51,790	-68.9%	3.0 triệu	20.21%	4,000	1,610	-9.04%	610.70	2.64
CFPT1906	HSC	4/8/2020	61	5:1	282,410	54.4%	5.0 triệu	22.42%	1,700	610	-10.29%	157.40	3.88
CTCB2001	HSC	6/22/2020	136	2:1	101,350	71.8%	5.0 triệu	n/a	1,700	1,210	-11.03%	520.70	2.32
CHPG1907	SSI	4/22/2020	75	1:1	67,240	-49.7%	1.0 triệu	n/a	4,200	4,600	-11.54%	3,672.90	1.25
CMBB2001	HSC	6/22/2020	136	2:1	52,200	7.8%	5.0 triệu	20.21%	1,600	1,530	-11.56%	731.40	2.09
CHPG1909	KIS	5/15/2020	98	2:1	438,790	-17.0%	5.0 triệu	26.47%	1,800	1,250	-14.97%	661.60	1.89
CMWG2003	MBS	4/24/2020	77	10:1	640	-96.9%	4.0 triệu	23.22%	1,530	1,000	-33.33%	275.30	3.63
Tổng:					3,032,980		65.30 triệu	21.94%**					
Chú thích:		Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
		Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
		**Trung bình độ lệch chuẩn						Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 7/2/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch giảm mạnh.

• Về giá, CMWG2003 và CHPG1909 giảm mạnh lần lượt là -33.33% và -14.97%. Trại lại, CVNM1906 và CVJC1902 tăng mạnh lần lượt là 26.92% và 22.99%. Thanh khoản thị trường giảm -27.18%. CHPG1909 tiếp tục có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.90% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là HDB, HPG, VHM và VPB, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVJC1902 và CVPB1901 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2001 và CVPB1901 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Top tăng điểm VN30			
CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	110.20	2.51	2.03
VJC	131.20	2.90	1.32
VRE	32.00	3.39	0.59
NVL	54.10	2.08	0.50
STB	11.15	1.83	0.49

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giảm điểm VN30			
CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	24.4	-3.37	-1.92
MBB	21.4	-1.83	-0.76
TCB	22.2	-0.89	-0.62
CTG	26.9	-3.06	-0.39
VPB	25.4	-0.59	-0.35

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVNM1906	130,225	114,025	110,200
CVJC1902	157,900	130,000	131,200
CVRE1902	37,700	32,500	32,000
CVNM1903	145,580	118,980	110,200
CVRE2001	42,789	36,789	32,000
CSTB2001	12,499	10,999	11,150
CFPT1905	64,900	55,000	53,300
CHDB2002	29,900	26,000	29,950
CVHM1902	103,600	85,000	87,000
CVPB1901	21,500	18,000	25,350
CFPT1908	63,450	54,000	53,300
CREE1905	41,050	34,600	33,900
CPNJ2001	94,500	83,500	82,600
CTCB1902	26,300	21,000	22,150
CMWG2002	129,500	110,000	108,700
CMBB1903	26,000	22,000	21,400
CFPT1906	65,500	57,000	53,300
CTCB2001	26,400	23,000	22,150
CHPG1907	25,200	21,000	24,350
CMBB2001	24,200	21,000	21,400
CHPG1909	28,280	24,680	24,350
CMWG2003	129,800	114,500	108,700

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	108.7	-0.7%	0.8	2,142	3.0	8,655	12.6	4.0	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	82.6	-1.5%	1.2	809	2.7	5,327	15.5	4.1	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	59.8	2.4%	1.3	1,930	0.4	1,632	36.6	2.3	29.6%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	31.7	0.0%	0.8	319	0.1	2,859	11.1	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	114.4	0.0%	1.0	16,824	6.4	2,268	50.4	5.1	14.8%	11.7%
VRE	Bất động sản	32.0	3.4%	1.1	3,161	3.3	1,253	25.5	2.7	32.9%	10.3%
NVL	Bất động sản	54.1	2.1%	0.8	2,281	0.9	3,563	15.2	2.5	6.9%	15.5%
REE	Bất động sản	33.9	-0.3%	1.0	457	0.9	5,286	6.4	1.0	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	12.5	6.9%	1.6	283	2.5	2,849	4.4	0.9	45.2%	20.3%
SSI	Chứng khoán	17.7	0.0%	1.4	399	2.0	1,708	10.4	0.9	55.1%	9.4%
VCI	Chứng khoán	26.5	-1.1%	1.0	189	0.1	4,218	6.3	1.1	36.0%	18.0%
HCM	Chứng khoán	18.8	-0.5%	1.7	250	1.3	1,421	13.2	1.3	55.9%	11.7%
FPT	Công nghệ	53.3	-0.6%	0.9	1,572	2.8	4,225	12.6	2.6	49.0%	21.6%
FOX	Công nghệ	42.5	3.2%	0.4	460	0.0	4,156	10.2	2.6	0.2%	27.7%
GAS	Dầu khí	86.0	0.1%	1.5	7,157	1.1	6,096	14.1	3.4	3.7%	25.5%
PLX	Dầu khí	51.8	-0.4%	1.5	2,682	0.8	3,495	14.8	2.7	13.4%	19.6%
PVS	Dầu khí	16.4	-3.0%	1.4	341	1.5	1,529	10.7	0.6	21.5%	8.5%
BSR	Dầu khí	7.6	-2.6%	0.8	1,025	0.4	1,163	6.5	0.8	41.1%	11.0%
DHG	Dược	97.4	1.6%	0.5	554	0.1	4,668	20.9	3.8	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	11.8	0.4%	0.6	200	0.1	902	13.0	0.6	18.8%	3.7%
DCM	Hóa chất	5.8	1.8%	0.6	134	0.1	683	8.5	0.5	2.3%	5.5%
VCB	Ngân hàng	90.0	0.7%	1.2	14,513	4.6	5,004	18.0	3.9	23.8%	25.1%
BID	Ngân hàng	51.7	-2.8%	1.7	9,041	3.4	2,398	21.6	2.8	18.1%	13.5%
CTG	Ngân hàng	26.9	-3.1%	1.6	4,355	10.6	2,541	10.6	1.3	29.8%	13.1%
VPB	Ngân hàng	25.4	-0.6%	1.2	2,687	6.6	3,370	7.5	1.5	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	21.4	-1.8%	1.2	2,164	7.6	3,480	6.1	1.3	20.9%	21.8%
ACB	Ngân hàng	23.8	-0.8%	1.2	1,714	2.1	3,686	6.5	1.4	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	41.5	-1.2%	0.9	148	0.4	5,165	8.0	1.3	80.6%	16.5%
NTP	Nhựa	29.0	0.0%	0.3	124	0.1	4,167	7.0	1.1	20.3%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.5	-3.3%	1.1	624	0.0	732	19.8	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	24.4	-3.4%	1.0	2,923	8.7	2,581	9.4	1.4	38.7%	17.0%
HSG	Thép	8.1	-1.7%	1.8	149	1.5	1,161	7.0	0.6	18.7%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	110.2	2.5%	0.8	8,343	7.2	5,478	20.1	7.0	58.8%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	195.0	2.6%	0.8	5,437	0.4	7,477	26.1	6.6	63.4%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	49.9	0.0%	1.1	2,536	2.0	4,772	10.5	1.4	39.1%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	18.0	0.0%	0.4	459	0.9	508	35.5	1.5	6.3%	3.5%
ACV	Vận tải	59.0	0.0%	0.8	5,584	0.2	2,630	22.4	4.2	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	131.2	2.9%	1.1	2,988	2.8	7,889	16.6	4.5	19.5%	28.7%
HVN	Vận tải	28.0	6.1%	1.7	1,727	1.4	1,640	17.1	2.2	10.1%	13.4%
GMD	Vận tải	19.5	-0.3%	0.9	251	0.2	1,595	12.2	0.9	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	13.7	0.4%	0.5	167	0.3	2,421	5.6	0.9	32.2%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	71.8	6.4%	1.1	499	1.7	8,824	8.1	3.3	2.2%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	17.7	0.9%	0.7	345	0.1	1,454	12.2	1.3	13.3%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.5	-0.3%	0.8	240	0.0	1,953	7.4	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	56.8	7.0%	0.9	188	0.7	8,858	6.4	0.5	47.0%	8.2%
VCG	Xây dựng	25.1	0.0%	1.0	482	0.0	1,567	16.0	1.6	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	23.8	-0.6%	0.4	256	0.9	1,750	13.6	1.1	51.0%	8.8%
POW	Điện	9.9	-1.4%	0.6	1,009	0.7	1,064	9.3	0.9	13.3%	7.8%
NT2	Điện	20.6	2.2%	0.5	257	0.3	2,577	8.0	1.4	18.6%	19.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	110.20	2.51	1.37	1.52MLN
SAB	195.00	2.63	0.93	47950.00
VRE	32.00	3.39	0.71	2.42MLN
HVN	28.00	6.06	0.66	1.16MLN
VCB	90.00	0.67	0.65	1.17MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCS	71.80	6.37	0.14	545600.00
VIF	19.60	4.81	0.03	4500.00
CEO	8.50	2.41	0.03	817000.00
IDJ	10.10	9.78	0.03	655200.00
AMV	19.60	4.26	0.03	240900.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	51.70	-2.82	-1.76	1.50MLN
CTG	26.90	-3.06	-0.92	8.96MLN
HPG	24.35	-3.37	-0.68	8.12MLN
MBB	21.40	-1.83	-0.28	8.05MLN
TCB	22.15	-0.89	-0.20	1.97MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	7.10	-6.58	-0.67	10.89MLN
ACB	23.80	-0.83	-0.32	2.01MLN
PVS	16.40	-2.96	-0.12	2.12MLN
NVB	9.00	-2.17	-0.08	2.59MLN
OCH	7.90	-4.82	-0.04	100.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LAF	9.63	7.00	0.00	500.00
DPG	27.60	6.98	0.02	140570.00
FTM	1.84	6.98	0.00	629060.00
CTD	56.80	6.97	0.09	272130.00
LGC	42.25	6.96	0.15	10.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.70	16.7	0.01	350800.00
BII	0.80	14.3	0.00	57300.00
FID	1.10	10.0	0.00	300.00
L18	7.70	10.0	0.00	200.00
PBP	6.60	10.0	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PIT	2.79	-7.00	0.00	10.00
BRC	9.49	-6.96	0.00	30.00
DCL	20.15	-6.93	-0.03	142290.00
LM8	16.85	-6.91	0.00	80.00
TPC	9.21	-6.88	-0.01	30.00

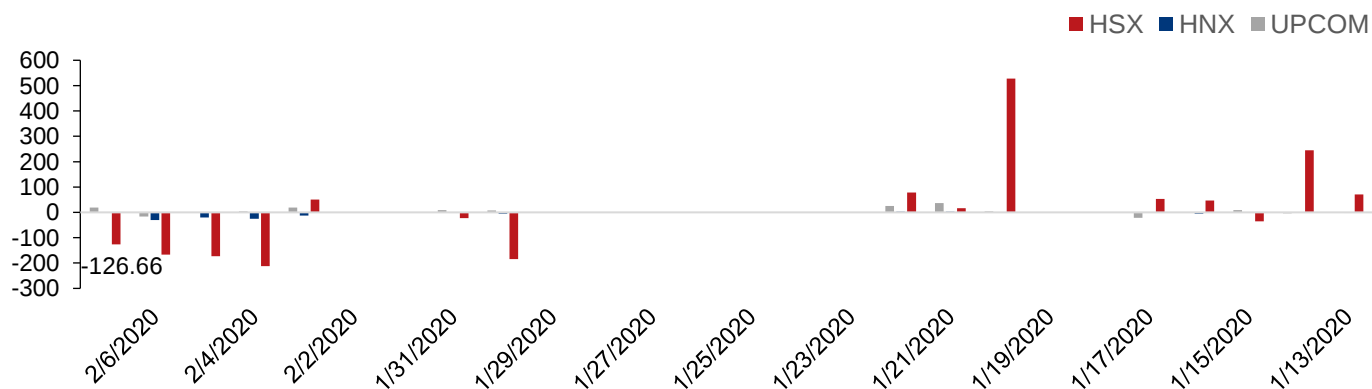
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.40	-20.00	0.00	189100.00
VIG	0.70	-12.50	0.00	25000.00
DST	0.80	-11.11	0.00	58500.00
TKU	16.30	-9.94	0.00	100.00
HJS	25.50	-9.89	-0.01	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
3	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
4	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
5	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
10	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
11	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
12	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
14	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
17	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
18	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
19	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	DHG	Y tế	Theo dõi	2/3/2020	93.0	n/a	97.4	4,668	20.9	3.8	Click
2	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	28.4	5,020	5.7	1.3	Click
3	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	82.6	5,327	15.5	4.1	Click
4	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	13.7	2,421	5.6	0.9	Click
5	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	158.4	29,035	5.5	4.3	Click
6	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	113.2	171.4	13.3	0	37.8	0.4	Click
7	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	22.8	27.8	108.7	8,655	12.6	4.0	Click
8	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	23.8	3,686	6.5	1.4	Click
9	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	12.3	2,736	4.5	0.7	Click
10	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	125.1	162.5	22.2	2,881	7.7	1.3	Click
11	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	84.5	121.0	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
12	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	34.8	42.3	90.0	5,004	18.0	3.9	Click
13	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	27.3	7,028	3.9	1.4	Click
14	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	25.5	30.8	53.3	4,225	12.6	2.6	Click
15	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	20.0	29.1	24.9	3,897	6.4	1.1	Click
16	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	38.0	N/a	15.2	2,236	6.8	0.7	Click
17	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	78.5	82.7	30.2	2,846	10.6	0.6	Click
18	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	130.0	142.1	49.9	4,772	10.5	1.4	Click
19	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	22.3	26.0	110.2	5,478	20.1	7.0	Click
20	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	39.5	48.0	20.8	3,700	5.6	1.3	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền - > nợ xấu)
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giá định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express VIB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu 19500; Giá tại Publish 16700 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu VIB với giá mục tiêu 19,500 VND/cp, upside 17% với phương pháp P/B = 1.3x cho năm 2020 (tỷ suất chiết khấu 15%). BSC dự báo, VIB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2020 lần lượt đạt mức 9,984 tỷ VND (+22.5% yoy) và 4,417 tỷ VND (+20% yoy), BVPS 2020 = 21,000 VND/cp
Express BID 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express VPB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 26514; Giá tại Publish 19300 Chúng tôi dự báo, trong năm 2019, VPB sẽ ghi nhận TOI = 35,852 tỷ VND (+15.3% yoy) và PBT = 10,375 tỷ VND (+12.8% yoy). Trong năm 2020, TOI và PBT của VPB lần lượt ở mức 40,093 tỷ VND (+11.8% yoy) và 12,955 tỷ VND (+24.8% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn